

Số **48** /2011/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **27** tháng **7** năm **2011**.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh  
Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi ngày 24/3/2004;

Căn cứ Quyết định số 3065/QĐ-BNN-NN ngày 07/11/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều kiện chăn nuôi, ấp trứng, vận chuyển, giết mổ, buôn bán gia cầm và sản phẩm gia cầm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 1242/TTr-SNN-NN ngày 09/6/2011 về việc ban hành quy định về chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Bộ Tư pháp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;

Lưu: VT – TH (CNN, các phòng)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48 / 2011/QĐ-UBND ngày 7 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai).*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm; điều kiện về chăn nuôi gia súc, gia cầm và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giống vật nuôi*: là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; giống vật nuôi phải có số lượng nhất định để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

Giống vật nuôi bao gồm các giống gia súc, gia cầm, ong, tằm, động vật thủy sản và các sản phẩm giống của chúng như tinh, phối, trứng giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống.

2. *Gia súc gồm*: Trâu, bò, dê, cừu, lợn, ngựa, thỏ, chó, mèo.

3. *Gia cầm gồm*: Gà, vịt, ngan, ngỗng, gà tây, bồ câu, chim cút, đà điểu.

4. *Hoạt động thú y*: Là công tác quản lý nhà nước về thú y và các hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; hành nghề thú y.

5. *Chăn nuôi hộ gia đình*: Là chăn nuôi ở qui mô chưa đạt tiêu chí của kinh tế trang trại theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. *Chăn nuôi tập trung*: Là chăn nuôi trang trại của các tổ chức, cá nhân có quy mô chăn nuôi đạt tiêu chí trang trại do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

7. *Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật*: Là vùng, cơ sở được xác định mà ở đó không xảy ra bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch trong một khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật và hoạt động thú y trong vùng, cơ sở đó bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh.

8. *Dịch bệnh động vật*: Là một bệnh truyền nhiễm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch hoặc Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật làm động vật mắc bệnh, chết nhiều hoặc làm lây lan trong một hoặc nhiều vùng.

9. *Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật*: Là danh mục các bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng gây ra cho động vật, có khả năng lây lan rộng, có thể lây sang người.

10. *Tiêu chuẩn vệ sinh thú y*: Là các chỉ tiêu kỹ thuật về vệ sinh thú y đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển động vật, không gây hại cho sức khỏe con người và không gây ô nhiễm môi trường.

11. *Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật*: Là việc thực hiện các biện pháp chẩn đoán, xét nghiệm động vật, sản phẩm động vật để phát hiện đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

12. *Đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật*: Là các yếu tố gây bệnh, gây hại cho sức khỏe con người, động vật, bao gồm các vi sinh vật, ký sinh trùng, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng; chất nội tiết, chất độc, chất tồn dư; các loài động vật gây hại cho người, động vật, môi trường, hệ sinh thái.

13. *Kiểm tra vệ sinh thú y*: Là việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật để phát hiện đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

14. *Đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y*: Là các yếu tố gây bệnh, gây hại cho người, động vật, bao gồm các vi sinh vật, ký sinh trùng, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng, độ ẩm, độ bụi, ánh sáng, độ ồn, khí độc, chất độc và các yếu tố môi trường khác ảnh hưởng đến sức khỏe con người, sức khỏe động vật và vệ sinh môi trường.

15. *Chất thải động vật*: Là những chất phát sinh trong quá trình chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

16. *Thời gian ngừng thuốc cần thiết*: Là khoảng thời gian từ khi ngừng dùng thuốc đến khi giết mổ động vật, khai thác sản phẩm động vật đảm bảo dư lượng thuốc trong sản phẩm động vật không vượt quá thời hạn cho phép.

### **Điều 3. Những hành vi bị nghiêm cấm**

1. Sản xuất, kinh doanh giống giả, giống vật nuôi không đạt tiêu chuẩn chất lượng, giống không có trong danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh.

2. Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi gây hại cho sức khỏe con người, nguồn gen vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái.

3. Không thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật.

4. Vứt xác động vật làm lây lan dịch bệnh cho động vật, cho người.

5. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN VỀ CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM NHỎ LẺ TẠI HỘ GIA ĐÌNH**

#### **Điều 4. Trách nhiệm của chủ vật nuôi trong việc khai báo chăn nuôi**

1. Khi tổ chức chăn nuôi chủ vật nuôi phải khai báo đầy đủ các thông số được quy định trong sổ theo dõi chăn nuôi với chính quyền địa phương cấp xã.

2. Sổ theo dõi chăn nuôi được chính quyền địa phương cấp và xác nhận là cơ sở để quản lý số lượng gia súc, gia cầm trên địa bàn, kiểm tra công tác phòng chống dịch bệnh; kiểm dịch, kiểm soát giết mổ.

#### **Điều 5. Điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi**

1. Điều kiện đối với động vật sử dụng để chăn nuôi:

a) Gia súc, gia cầm đưa vào chăn nuôi phải nằm trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh.

b) Gia súc, gia cầm đưa vào nuôi phải khỏe mạnh, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đã được kiểm dịch của ngành thú y.

2. Điều kiện về chuồng trại và dụng cụ dùng trong chăn nuôi

a) Chuồng nuôi phải tách biệt với nhà ở của con người.

b) Chuồng nuôi phải cao ráo, thoáng mát, được xây dựng phù hợp với tập tính sinh lý của loài vật nuôi, để vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

c) Phải có nơi để chứa ủ chất thải rắn, có hệ thống Biogas để xử lý chất thải lỏng đối với gia súc.

d) Phải có chuồng để nhốt riêng gia súc, gia cầm nhập từ nơi khác về.

đ) Chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc, diệt mầm bệnh, các loài động vật trung gian truyền bệnh định kỳ và sau mỗi đợt nuôi;

3. Thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật và người sử dụng sản phẩm động vật.

a) Đối với thức ăn chăn nuôi công nghiệp phải có bao bì, trên bao bì phải có nhãn mác ghi đầy đủ các thông tin của nhà sản xuất theo quy định và được phép lưu hành tại Việt Nam.

b) Đối với thức ăn là những phụ phẩm trồng trọt, thức ăn thu gom từ những bếp ăn tập thể phải được xử lý bằng nhiệt (nấu chín) đối với thức ăn cho heo; rơm, cỏ, thân cây bắp không có thuốc trừ sâu, chất gây hại đối với trâu, bò, dê cừu,...

4. Nước sử dụng cho chăn nuôi phải sạch, không có chất độc, không gây bệnh cho gia súc, gia cầm.

5. Gia súc đưa ra các bãi chăn thả chung phải khỏe mạnh, đã được tiêm phòng các bệnh theo quy định không mang mầm bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng gây bệnh nguy hiểm.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của chủ vật nuôi trong việc phòng bệnh, chữa bệnh cho gia súc, gia cầm**

1. Hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm phải có sổ theo dõi việc xuất nhập gia súc, gia cầm, lịch tiêm phòng các bệnh bắt buộc có xác nhận của chính quyền địa phương. Khi xuất bán, nhập mới hoặc tăng đàn do sinh sản chủ vật nuôi phải ghi chép số lượng, chủng loại vào sổ theo dõi chăn nuôi và khai báo với chính quyền địa phương xác nhận vào sổ theo dõi chăn nuôi.

2. Hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm phải thực hiện việc tiêm phòng các bệnh bắt buộc theo quy định; trong trường hợp chủ vật nuôi tự tổ chức tiêm phòng phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc loại thuốc tiêm phòng của các cửa hàng, điểm kinh doanh thuốc thú y được các cơ quan có thẩm quyền cho phép kinh doanh (GCNTP, Tem....).

3. Thực hiện qui định về việc chữa bệnh cho gia súc, gia cầm.

Chủ vật nuôi khi phát hiện gia súc, gia cầm mắc bệnh phải nhốt riêng gia súc, gia cầm mắc bệnh, nuôi dưỡng chăm sóc và điều trị. Khi thấy gia súc, gia cầm chết không rõ nguyên nhân hoặc có dấu hiệu lây lan phải báo ngay cho nhân viên thú y cấp xã, chính quyền địa phương để được hướng dẫn xử lý.

4. Thuốc dùng chữa bệnh phải có trong danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

5. Ngưng sử dụng thuốc cho gia súc, gia cầm trước khi xuất bán để giết mổ theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

#### **Điều 7. Xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật**

1. Chủ vật nuôi khi nghi ngờ gia súc, gia cầm mắc bệnh truyền nhiễm hoặc thấy gia súc, gia cầm chết nhiều mà chưa rõ nguyên nhân phải báo ngay cho nhân viên thú y cấp xã và chính quyền địa phương nơi gần nhất.

2. Chủ vật nuôi phải chấp hành việc lấy mẫu để chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật của cơ quan chuyên ngành về thú y khi có yêu cầu theo qui định.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KIỆN VỀ CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI TẬP TRUNG**

**Điều 8. Điều kiện trước khi tổ chức chăn nuôi**

1. Các cơ sở chăn nuôi phải được xây dựng trong vùng quy hoạch khuyến khích phát triển chăn nuôi.

2. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi quy mô trang trại trước khi tổ chức chăn nuôi phải được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cấp các loại giấy tờ sau:

- a) Giấy phép chăn nuôi.
- b) Giấy cam kết môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường (ĐTM).
- c) Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi.
- d) Sổ theo dõi chăn nuôi có mã số trại.

#### **Điều 9. Điều kiện về giống vật nuôi**

Gia súc, gia cầm đưa vào chăn nuôi theo quy định tại mục a, b khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

#### **Điều 10. Điều kiện vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi**

1. Cơ sở chăn nuôi phải theo quy hoạch, cách xa khu dân cư, công trình công cộng, đường giao thông chính, nguồn gây ô nhiễm;

2. Khu vực chăn nuôi phải có nơi thu gom, xử lý chất thải rắn, lỏng, khu nuôi cách ly động vật, nơi vệ sinh, khử trùng tiêu độc cho dụng cụ chăn nuôi, nơi mổ khám, xử lý xác động vật;

3. Cổng ra vào trại phải có hệ thống để vệ sinh, tiêu độc khử trùng khi phương tiện vận chuyển và người ra vào trại.

4. Nơi sản xuất, chế biến và kho chứa thức ăn chăn nuôi phải cách biệt với nơi để các hoá chất độc hại.

5. Điều kiện về chuồng trại, thức ăn và dụng cụ dùng trong chăn nuôi.

a) Chuồng trại, nơi chăn nuôi khác phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc, diệt mầm bệnh, các loài động vật trung gian truyền bệnh theo chế độ định kỳ và sau mỗi đợt nuôi;

b) Dụng cụ dùng trong chăn nuôi phải được vệ sinh trước khi đưa vào sử dụng;

c) Thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật và người sử dụng sản phẩm động vật;

d) Nước sử dụng cho chăn nuôi phải sạch, không gây bệnh cho động vật;

đ) Được xây dựng phù hợp với loài vật nuôi, để vệ sinh, khử trùng tiêu độc;

e) Bảo đảm vệ sinh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông;

f) Có chuồng cách ly đối với động vật nhập từ nơi khác về, động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, nhiễm bệnh, nghi nhiễm bệnh;

g) Có nơi xử lý chất thải động vật đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường; có biện pháp diệt loài gặm nhấm và côn trùng gây hại;

Định kỳ và trước, sau mỗi đợt nuôi phải vệ sinh, khử trùng tiêu độc toàn bộ khu chuồng nuôi, nơi nuôi, phương tiện, dụng cụ dùng trong chăn nuôi.

### **Điều 11. Phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật**

1. Chủ cơ sở chăn nuôi phải thực hiện việc phòng bệnh bắt buộc cho động vật như sau:

a) Phải có sổ sách, hồ sơ theo dõi việc xuất, nhập động vật. Theo dõi việc sử dụng thuốc, chế phẩm sinh học để phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật.

b) Phải tổ chức thực hiện việc tiêm phòng các bệnh bắt buộc theo quy định.

c) Chấp hành các hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch bệnh của cơ quan quản lý nhà nước về thú y.

2. Thực hiện qui định về việc chữa bệnh cho động vật:

Chủ cơ sở chăn nuôi khi phát hiện động vật mắc bệnh và nghi ngờ là bệnh truyền nhiễm phải:

a) Cách ly động vật mắc bệnh, nuôi dưỡng chăm sóc động vật và báo ngay cho cơ quan thú y huyện (trạm thú y).

b) Việc chữa trị động vật mắc bệnh thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành về thú y.

c) Thuốc dùng chữa bệnh phải có trong danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

d) Ngưng sử dụng thuốc cho động vật trước khi xuất bán để giết mổ theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

### **Điều 12. Xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật**

1. Chủ cơ sở chăn nuôi khi nghi ngờ động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hoặc thấy động vật chết nhiều mà chưa rõ nguyên nhân phải báo ngay cho cơ quan thú y huyện (trạm thú y); Trường hợp cần thiết lấy mẫu gửi chẩn đoán xét nghiệm bệnh phải báo cáo cho cơ quan thú y huyện (trạm thú y).

2. Chủ cơ sở chăn nuôi phải chấp hành việc lấy mẫu chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật của cơ quan chuyên ngành về thú y khi có yêu cầu theo qui định.

3. Các cơ sở sản xuất giống, định kỳ 6 tháng một lần phải được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y có thẩm quyền lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo qui định và phải chi trả mọi chi phí về xét nghiệm, chẩn đoán.

### **Điều 13. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; thực hành chăn nuôi (VietGAHP)**

1. Chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình phải tuân theo các quy định của pháp luật về thú y trong việc xây dựng vùng an toàn dịch bệnh khi chính quyền địa phương đăng ký xây dựng và chấp hành việc lấy mẫu xét nghiệm định kỳ của cơ quan chuyên ngành về thú y.

2. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại bắt buộc phải đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật và phải chấp hành các quy định của pháp luật về thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

3. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các môi nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm thịt, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội cho người lao động.

#### **Chương IV**

#### **XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 14:** Hộ gia đình khi tổ chức chăn nuôi không thực hiện việc khai báo, không tiêm phòng cho vật nuôi khi dịch bệnh xảy ra sẽ không được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước.

**Điều 15 :** Tổ chức, cá nhân chăn nuôi động vật vi phạm Quy định này hoặc các quy định khác của pháp luật về thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm, sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

#### **Chương V**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 16 : Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo nội dung bản Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi bổ sung, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm trao đổi với các ngành và các địa phương liên quan, tổng hợp đề xuất trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

